

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của
“Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi” thực hiện tại các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh
và thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản số 626/BTNMT-MT ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và báo cáo của Vụ Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của “Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi”;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của “Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện tại các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh và thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- PTTgCP, Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, VPMC, MT (K).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA “ĐƯỜNG HOÀNG SA - ĐỐC SỎI”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm
2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đường Hoàng Sa - Đốc Sỏi.

- Địa điểm thực hiện: Các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh và thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

- Địa chỉ liên hệ: Số 234, đường Võ Thị Sáu, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án

- Xây dựng đường giao thông với tổng chiều dài khoảng 28,2km (trong đó chiều dài xây dựng mới 26,9km và tận dụng mặt đường hiện trạng đoạn Km0+00-Km1+300); với quy mô đường đô thị cấp 1; tốc độ thiết kế 60km/giờ; bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 46,0\text{m}$, bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$; bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vỉa hè}} = 2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$; bề rộng dải phân cách giữa: $B_{\text{pcg}} = 18,0\text{m}$:

+ Điểm đầu tại Km0+00 kết nối với đường Đốc Sỏi - Dung Quất tại nút giao với đường Thanh Niên thuộc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Điểm cuối tại Km28+188,54 kết nối với đường Hoàng Sa tại nút giao đầu cầu đập dâng Trà Khúc thuộc địa phận thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Tọa độ các điểm khống chế:

TT	Tên đỉnh	Tọa độ VN 2000	
		X (m)	Y (m)
1	D1	1695626.642	581568.088
2	D2	1694275.677	582391.872
3	D3	1693043.362	583773.937
4	D4	1691700.075	584707.333
5	D5	1689944.095	585626.303
6	D6	1689723.358	585757.974
7	D7	1689464.167	585855.602
8	D8	1689083.404	586054.506
9	D9	1687900.94	586733.202
10	D10	1687420.103	586947.203
11	D11	1686889.604	587312.861
12	D12	1686535.32	587607.834
13A	D13A	1685632.052	588066.083

TT	Tên đỉnh	Toạ độ VN 2000	
		X (m)	Y (m)
13	D13	1684990.67	588334.432
14	D14	1684231.787	588750.212
15	D15	1684020.5	588952.629
16	D16	1683661.703	589125.688
17	D17	1682468.036	590061.949
18	D18	1680986.092	589577.957
19	D19	1680412.193	589449.414
20	D20	1679660.203	589022.86
21	D21	1677954.567	588311.777
22	D22	1676231.882	588445.713
23	D23	1675670.188	588505.012
24	D24	1675253.28	588660.764
25	D25	1674947.449	589186.625

- Xây dựng 9 cầu trên tuyến đường.
- Xây dựng 14 nút giao, đường giao.
- Các hạng mục công trình phụ trợ khác của Dự án (hệ thống an toàn giao thông, hệ thống thoát nước ngang và thoát nước dọc,...).
- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:
 - + Bãi đổ đất thải của Dự án.
 - + Công trình lưu giữ chất thải rắn.
- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm hạng mục xây dựng các khu tái định cư, khai thác vật liệu san lấp và vật liệu xây dựng.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- Xây dựng đường giao thông với tổng chiều dài khoảng 28,2km (điểm đầu tại Km0+00 kết nối với đường Dốc Sỏi - Dung Quất tại nút giao với đường Thanh Niên thuộc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi và điểm cuối tại Km28+188,54 kết nối với đường Hoàng Sa tại nút giao đầu cầu đập dâng Trà Khúc thuộc địa phận thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi), quy mô như sau:

- + Cấp đường: Cấp đô thị, đường phố chính đô thị.
- + Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}}=46,0\text{m}$;
- + Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}}=2\times 8,0\text{m}=16\text{m}$;
- + Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vĩa hè}}=2\times 6\text{m}=12\text{m}$ (tại một số đoạn qua đô thị).
- + Bề rộng dải phân cách giữa: $B_{\text{pcg}} = 18,0\text{m}$.
- + Tần suất thiết kế: Đảm bảo tần suất mực nước thiết kế (4% đối với tuyến và 1% đối với cầu trung, cầu lớn), phù hợp cao độ quy hoạch.
- + Mặt đường: Sử dụng mặt đường cấp cao A1 với mô đun đàn hồi tối thiểu $E_y/c > 155 \text{ MPa}$.

- Xây dựng 9 cầu trên tuyến đường, cụ thể như sau:

TT	Tên cầu	Lý trình	Bề rộng (m)	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài (m)
1	Cầu số 1 (Vượt sông Trà Bồng)	Km2+496.09	14,5+9+14,5	39,15+6x40+39,15	333,5
2	Cầu số 2 (Cầu Châu Ô)	Km5+546.6	14,5+9+14,5	39,15+9x40+39,15	453,5
3	Cầu số 3	Km6+900	14,5+9+14,5	39,15+2x40+39,15	173,5
4	Cầu số 4	Km7+543.52	14,5+9+14,5	39,15+1x40+39,15	128
5	Cầu số 5 (vượt suối Bà Thục)	Km11+600	14,5+9+14,5	1x24	35,1
6	Cầu số 6 (vượt suối Bà Lộc)	Km12+851.87	14,5+9+14,5	2x39,15	90,5
7	Cầu số 7 (Cầu cạn hạ lưu hồ Thủy Lợi)	Km14+300	14,5+9+14,5	2x24	61,1
8	Cầu số 8 (vượt sông Lệ Thủy)	Km23+727.73	14,5+9+14,5	39,15+1x40+39,15	132,5
9	Cầu số 9 (vượt sông Sừ)	Km25+902.18	14,5+9+14,5	2x39,15	90,5

- Xây dựng 14 nút giao, đường giao, cụ thể như sau:

TT	Nút giao	Lý trình	Hình thức giao cắt	Phương án thiết kế nút dự kiến
1	Dốc Sỏi - Dung Quất	Km0+00	Ngã tư	Giữ nguyên hiện trạng
2	Trì Bình - Cảng Dung Quất	Km1+300	Ngã tư	Tổ chức giao thông bằng đèn tín hiệu.
3	Đường tỉnh ĐT621	Km7+300	Ngã tư	Tổ chức giao thông tự điều khiển
4	Đường tỉnh ĐT624	Km10+300	Ngã tư	Vượt nổi, đóng dải phân cách
5	Võ Văn Kiệt	Km10+726,69	Ngã tư	Tổ chức giao thông bằng đèn tín hiệu.
6	Thế Lợi - Tịnh Hòa	Km17+745,50	Ngã tư	Tổ chức giao thông tự điều khiển
7	Đường huyện ĐH10	Km20+400,00	Ngã ba	
8	Quy hoạch	Km21+796,70	Ngã tư	

TT	Nút giao	Lý trình	Hình thức giao cắt	Phương án thiết kế nút dự kiến
9	Đường huyện ĐH521	Km24+979,83	Ngã tư	
10	Quy hoạch	Km25+074,04	Ngã tư	
11	Quy hoạch	Km25+641,07	Ngã ba	
12	Quy hoạch	Km26+339,44	Ngã tư	
13	Quốc lộ QL24B	Km27+384,64	Ngã tư	Tổ chức giao thông bằng đèn tín hiệu.
14	Hoàng Sa	Km28+188,54	Ngã tư	Vòng xoay

- Thiết kế hệ thống thoát nước và đảm bảo thoát nước khu vực (tổng số 100 vị trí cống ngang); xây dựng hoàn trả các công trình hạ tầng bị ảnh hưởng bởi dự án.

- Theo dự tính của Chủ dự án, Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 1.521.683,79 m²; bao gồm đất nông nghiệp diện tích khoảng 1.220.638,44 m², đất phi nông nghiệp diện tích khoảng 252.451,56 m², đất chưa sử dụng diện tích khoảng 48.593,79 m².

- Bố trí 17 công trường thi công (8 công trường đường giao thông, 9 công trường cầu), diện tích chiếm đất tạm thời 63.005 m².

- Dự kiến có 05 bãi đổ thải (01 bãi tại xã Bình Thạnh, 02 bãi tại xã Bình Hiệp, 02 bãi tại xã Bình Tân Phú) với tổng trữ lượng khoảng 708.922 m³. Vị trí các bãi đổ thải cách tuyến dự án trung bình từ 1-6 km.

- Các hạng mục công trình phụ trợ khác của Dự án (công trình phòng hộ và an toàn giao thông; hệ thống thoát nước ngang, thoát nước dọc,...).

1.3.2. Các hoạt động của Dự án:

- Hoạt động thu dọn mặt bằng.

- Hoạt động thi công các hạng mục của Dự án.

- Hoạt động đổ thải và phục hồi môi trường bãi tiếp nhận vật liệu không sử dụng cho công trình.

- Hoạt động vận hành tuyến đường.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án chiếm dụng đất trồng lúa (đất chuyên trồng lúa nước (2 vụ) diện tích 642.826,38 m², đất trồng lúa nước còn lại (1 vụ) diện tích 32.773,65 m²) với diện tích khoảng 675.600,03 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Theo dự tính của Chủ dự án, Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 1.521.683,79 m²; bao gồm đất nông nghiệp diện tích khoảng 1.220.638,44 m², đất phi nông nghiệp diện tích khoảng 252.451,56 m², đất chưa sử dụng diện tích khoảng 48.593,79 m² và các công trình khác (bao gồm: 318 hộ bị ảnh hưởng

(165 hộ giải toả trắng); 2.483 ngôi mộ; 211 trụ điện trung thế, hạ thế, thông tin liên lạc, chiếu sáng, trạm viễn thông BTS phát sóng di động và 51 giếng).

- Đất chiếm dụng tạm thời của dự án khoảng 63.005m² để bố trí 17 công trường thi công.

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; có nguy cơ gây ngập úng cục bộ; ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt, đất; ảnh hưởng đến mỹ quan; hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ,...

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến trong giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông, sụt lún công trình, chia cắt cộng đồng, khả năng thoát nước lũ của khu vực.

- Hoạt động vận hành, bảo trì, duy tu, sửa chữa trên tuyến phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động sinh hoạt của các cán bộ công nhân và nhân viên phục vụ Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt với khối lượng khoảng 20m³/ngày đêm (thi công đường khoảng 15m³/ngày và thi công cầu khoảng 5m³/ngày). Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật,...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng thiết bị khoảng 3,6m³/ngày, rửa xe khoảng 3,6m³/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất lơ lửng (TSS), váng dầu mỡ,...

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành

Không phát sinh.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, đất thải, đá thải, phế thải phát sinh chủ yếu là bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC,...., cụ thể:

+ Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, phá dỡ các hạng mục công trình phát sinh bụi với nồng độ khoảng 1,49mg/m³.

+ Hoạt động đào đắp thi công nền đường phát sinh bụi với tải lượng bụi khoảng $612,28 \mu\text{g}/\text{m}^2 \cdot \text{s}$.

+ Hoạt động của máy móc thi công xây dựng các hạng mục công trình phát sinh bụi khoảng từ $28,53\text{-}32,20 \text{ mg}/\text{Nm}^3$; SO_2 khoảng từ $40,18\text{-}45,35 \text{ mg}/\text{Nm}^3$; NO_x khoảng từ $385,71\text{-}436,25 \text{ mg}/\text{Nm}^3$; CO khoảng từ $88,0 - 99,31 \text{ mg}/\text{Nm}^3$, VOC_s khoảng từ $31,78 - 35,87 \text{ mg}/\text{Nm}^3$.

+ Hoạt động trạm trộn bê tông phát sinh bụi với nồng độ khoảng từ $177,58 - 179,45 \mu\text{g}/\text{m}^3$.

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động của phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x , NO_x , SO_2 , HC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

3.2.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động phát quang, phá dỡ các công trình, vật kiến trúc, dọn dẹp mặt bằng phát sinh chất thải rắn thông thường với tổng khối lượng khoảng $24.043,19$ tấn. Thành phần chủ yếu bao gồm đất đá, gạch ngói, bê tông, phế liệu,...

- Hoạt động bóc lớp đất hữu cơ bề mặt phát sinh khoảng $401.855,71 \text{ m}^3$.

- Hoạt động thi công xây dựng phát sinh chất thải rắn thi công dư thừa với tổng lượng khoảng từ $317,52 - 15.225,3$ tấn. Thành phần chủ yếu bao gồm đất, cát, đá thải,...

- Tổng lượng đổ thải toàn dự án khoảng $379.535,48$ tấn.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng $100\text{kg}/\text{ngày}$ (thi công đường khoảng $75\text{kg}/\text{ngày}$ và thi công cầu khoảng $25\text{kg}/\text{ngày}$). Thành phần chủ yếu bao gồm thức ăn thừa, rau củ, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo,...

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động bảo trì, vận hành các công trình trên tuyến phát sinh chất thải rắn thông thường với khối lượng khoảng $2\div 3 \text{ m}^3/\text{đợt}$ bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu là bê tông, nhựa đường bám dính, cọc tiêu hỏng,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

3.2.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công Dự án với tổng khối lượng khoảng $10,11 \text{ kg}/\text{tháng}$ (thi công đường khoảng $5,33 \text{ kg}/\text{tháng}$ và thi công cầu khoảng $4,78 \text{ kg}/\text{tháng}$). Thành phần chủ yếu bao gồm dầu nhớt, chất thải chứa dầu, ắc quy thải, vỏ thùng sơn,...

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành

Không có.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn và độ rung; có khả năng ảnh hưởng tới nhiều tổ chức, cá nhân, khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến, bao gồm: các đoạn Km1+180.00 - Km2+000; Km2+800 - Km4+900; Km5+800 - Km6+0.00; Km11+900 - Km12+050; Km13+500 - Km14+200; Km15+200 - Km15+500; Km17+800 - Km20+600; Km24+800 - Km28+200; Km2+496.09; Km5+546.6; Km14+302.0 và trạm y tế xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng tới một số khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến tính từ phạm vi mốc lộ giới, bao gồm các đoạn Km1+180.00 - Km2+000; Km2+800 - Km4+900; Km5+800 - Km6+0.00; Km11+900 - Km12+050; Km13+500 - Km14+200; Km15+200 - Km15+500; Km17+800 - Km20+600; Km24+800 - Km28+200; Km2+496.09; Km5+546.6; Km14+302.0 và trạm y tế xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Theo dự tính của Chủ dự án, Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 1.521.683,79 m²; bao gồm đất nông nghiệp diện tích khoảng 1.220.638,44 m², đất phi nông nghiệp diện tích khoảng 252.451,56 m², đất chưa sử dụng diện tích khoảng 48.593,79 m² và các công trình khác (trong đó: 318 hộ bị ảnh hưởng (165 hộ giải toả trắng); 2.483 ngôi mộ; 211 trụ điện trung thế, hạ thế, thông tin liên lạc, chiếu sáng, trạm BTS phát sóng di động và 51 giếng).

- Tuyến Dự án cắt qua các dòng chảy sông Trà Bồng 1 (tại Km2+400), Trà Bồng 2 (tại Km5+500), mương hạ lưu hồ thủy lợi (tại Km6+900 và Km7+500), suối Bà Thục (tại Km11+600), suối Bà Lộc (tại Km12+800), suối Bà Trung (tại Km14+300), sông Lê Thủy (tại Km 23+728), sông Sử (tại Km25+902) và các mương tưới thủy lợi Thạch Nham (tại Km18+800) tại các vị trí cắt qua dòng chảy sẽ xây dựng các cầu và công thoát nước ngang. Những hoạt động thi công của Dự án có thể gây ra các tác động ảnh hưởng tới nguồn nước tưới, cản trở dòng chảy gây nguy cơ ngập úng cục bộ.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải ảnh hưởng tới đến hệ sinh thái trên cạn và dưới nước, hoạt động giao thông đường bộ và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân khu vực Dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sạt lở,...

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

Việc hình thành tuyến đường cao tốc gây chia cắt cộng đồng; cản trở thoát

lũ hai bên tuyến và có nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tại mỗi công trường thi công sẽ lắp đặt 02 nhà vệ sinh lưu động đặt gần khu lán trại cho công nhân sử dụng để thu gom/xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 2 tháng/lần).

Quy trình thực hiện: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý.

- Hồ lắng nước rửa cốt liệu trộn bê tông xi măng, nước thải bảo dưỡng, nước rửa xe (bố trí 01 hồ lắng tại mỗi công trường thi công dọc tuyến, kích thước: 12m x 2m x 1m). Nước tại các hồ lắng được tái sử dụng để làm ẩm trước khi vận chuyển đối với nguyên vật liệu, đất đá thải hoặc tưới nước dập bụi công trường thi công, không xả thải ra môi trường.

Quy trình: Nước thải rửa cốt liệu, nước rửa xe, bảo dưỡng → Hồ lắng có vôi tách dầu → Tái sử dụng.

- Khu vực các bãi đổ thải: Tạo bờ bao cao 2m để chia khu đổ thải thành 2 ngăn (ngăn 1 để lưu chứa đất thải xây dựng; ngăn 2 để lắng nước mưa chảy tràn qua khu vực đổ thải). Đầm lèn chặt trong quá trình đổ thải và sau khi kết thúc để hạn chế rửa trôi. Lắp ngăn thứ 2 và hoàn trả mặt bằng khu vực sau khi Dự án hoàn thành.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành

Không có.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; phun nước giảm bụi, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; lắp đặt hệ thống vệ sinh phương tiện vận chuyển tại công trường, đảm bảo tất cả các xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường; lắp dựng hàng rào tôn xung quanh công trường thi công, vị trí thi công gần các khu/điểm dân cư đảm bảo môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện làm sạch bề mặt đường trước khi trải thảm nhựa bằng biện pháp hút bụi kết hợp với phun nước tại các đoạn đường đi qua các khu dân cư.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành

Không có.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

4.2.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải sinh hoạt: Bố trí tại mỗi công trường bố trí 03 thùng rác dung tích 60 lít, đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với lớp đất hữu cơ bề mặt (khoảng 401.855,71 m³) được quản lý theo quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác: Tận dụng toàn bộ đất hữu cơ từ hoạt động bóc đất mặt đối với diện tích thu hồi đất lúa để đắp phía bên trái lề đường và trồng cỏ. Phần không thể tận dụng được thu gom, vận chuyển đi đổ thải vào các vị trí đã được sự chấp thuận của chính quyền địa phương.

- Đối với chất thải rắn thi công: Tận dụng tối đa đất đá thải để san lấp; phần dư thừa được thu gom vào 03 thùng rác chuyên dụng (tại mỗi công trường) có nắp đậy, loại dung tích 240 lít và 660 lít, tập kết tạm thời trong phạm vi giải phóng mặt bằng sau đó vận chuyển đến đổ tại các bãi đổ đất đá loại đã được địa phương chấp thuận (05 bãi thải), đáp ứng các yêu cầu của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022.

- Đối với bùn khoan Bentonite: Mỗi công trường thi công cầu sẽ trang bị 01 thùng 240 lít (cầu số 1, 2 và 8) để chứa dung dịch Bentonite tràn đổ và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Thu gom toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động vận hành, bảo trì các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến về vị trí thích hợp, không cản trở giao thông; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định khi có phát sinh.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan; chỉ được phép đổ thải vào các vị trí đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và lưu chứa trong các thiết bị chuyên dụng bảo đảm lưu chứa an toàn,

không tràn đổ và lưu giữ trong các kho chứa chất thải nguy hại tạm thời tại mỗi công trường thi công dọc tuyến (diện tích khoảng 8m²/công trường) có mái che, có gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành

Không có.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực công trường thi công, các vị trí thi công gần các khu/điểm dân cư và các đối tượng nhạy cảm khác; bảo đảm các phương tiện vận chuyển luôn chở đúng tải trọng cho phép; sử dụng các thiết bị thi công đạt đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Thực hiện các phương án, giải pháp giảm tiếng ồn phù hợp tại các vị trí tuyến đi qua khu dân cư tập trung, các đối tượng nhạy cảm khác trong trường hợp cần thiết; thiết kế lắp đặt tường chống ồn (trong trường hợp cần thiết) hoặc các giải pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo tiếng ồn từ hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng tới các khu dân cư lân cận và các đối tượng nhạy cảm khác.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Thanh thải và dọn dẹp mặt bằng khi kết thúc thi công

Thực hiện thanh thải và dọn dẹp tại các công trường thi công và 05 bãi đổ thải theo quy định, đảm bảo thoát nước, an toàn môi trường và cảnh quan khu vực Dự án.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện rà phá bom, mìn khu vực Dự án trước khi thi công xây dựng.

- Thực hiện cải tạo, nâng cấp các kênh, mương thoát nước tại các vị trí mà đoạn tuyến cắt qua trước khi tiến hành thi công; hoàn thành việc cải tạo kênh, mương trước mùa gieo cấy; thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống

rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động; không tập kết vật tư, vật liệu, thiết bị, làm lán trại gần bờ sông.

- Định kỳ thực hiện giám sát xói lở trong suốt quá trình thi công các công trình cầu vượt sông nhằm phát hiện và xử lý kịp thời; trường hợp xảy ra sạt lở hoặc tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, ảnh hưởng và các công trình liên quan khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan và phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Thiết kế, thi công hệ thống công thoát nước đồng bộ trên toàn tuyến để đảm bảo khả năng thoát nước; độ cao nền đường, thủy văn cầu, cống đã được tính toán, xem xét đến các kịch bản biến đổi khí hậu; thực hiện cải tạo, nâng cấp các kênh, mương thoát nước tại các vị trí có hình dáng và góc tiếp cận không thuận lợi, cản trở dòng chảy.

- Lắp đặt đầy đủ và định kỳ kiểm tra, bảo trì hệ thống an toàn giao thông trên tuyến theo quy định; lắp đặt giải phân cách cứng, có gắn thiết bị phản quang giữa hai chiều của đường. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường bộ và đường thủy nội địa.

4.4.3. Các công trình, biện pháp khác

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi thường, hỗ trợ; chỉ triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật tại các khu vực triển khai thi công; nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông:

- + Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ và đường thủy và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.

+ Lắp dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết.

+ Làm đường tạm trong trường hợp thi công cầu, cống gây ảnh hưởng tới hoạt động đi lại của các tổ chức, cá nhân.

- Biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái: Giám sát, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống ruộng, ao nuôi và đất canh tác của dân tại những vị trí sát cánh đồng lúa, vườn cây, ao nuôi trồng thủy sản của người dân;

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chia cắt cộng đồng dân cư hai bên tuyến đường: Thực hiện thiết kế vượt nổi tại các nút giao với đường liên tỉnh, liên xã, liên thôn.

- Thỏa thuận với các cơ quan quản lý các công trình thủy lợi; đảm bảo hành lang bảo vệ nguồn nước; không gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: Tại 09 vị trí xây dựng cầu.

- Thông số giám sát bao gồm: pH, DO, COD, BOD₅, TSS, Cu, Zn, Fe, Cd, AS, Pb, tổng dầu mỡ và coliform.

- Tần suất 6 tháng/lần trong suốt thời gian thi công Dự án.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B.

5.1.3. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: Tại 21 vị trí (13 vị trí tại các khu dân cư tại các nút giao thông đường Trị Bình - Dung Quất, đường Võ Văn Kiệt Km10+760, đường Thế Lợi - Tịnh Hòa đoạn KM16+500 - KM18+500, Quốc lộ 24B (KM27+400), khu

dân cư khu vực Km 2+311.62, khu dân cư thuộc thôn Mỹ Huệ 2 và 3, khu dân cư Châu Ô - Bình Long, khu dân cư Dốc Sỏi, khu dân cư Tịnh Phong, khu dân cư xã Tịnh Ấn Đông, khu dân cư xã Tịnh An, trạm y tế xã Tịnh An (Km27+500); 03 vị trí trạm trộn bê tông; 05 vị trí bãi đổ thải).

- Thông số giám sát: Bụi (TSP), tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần trong suốt thời gian thi công Dự án.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2. Giai đoạn vận hành

Giám sát sạt lở

- Vị trí giám sát: Hai bên bờ các sông tại vị trí thi công 07 cầu vượt sông, suối thuộc phạm vi Dự án và 05 bãi đổ đất, đá thải.

- Tần suất giám sát: thường xuyên trong suốt quá trình thi công và 03 tháng/lần trong thời gian bảo hành.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành; tuân thủ quy định tại Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án; đảm bảo công tác nổ mìn, phá đá (nếu có) thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 71/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng và ảnh hưởng xấu tới việc sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lúa ở các khu vực liền kề và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước sông, hệ thủy sinh, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án; phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc cải tạo kênh, mương, bảo đảm không gây gián đoạn nguồn nước cấp phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp cho người dân khu vực Dự án.

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; chỉ được phép đổ thải các loại đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận; thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải và các yêu cầu khác của địa phương theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/

BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Xây dựng phương án cảnh giới và điều tiết lưu thông trước khi triển khai thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công; bố trí lực lượng, phương tiện tham gia công tác cảnh giới và điều tiết lưu thông theo quy định để quản lý, theo dõi các báo hiệu công trường khu vực thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan tới báo hiệu đang quản lý và bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống xói lở bờ sông, hai bên mỏ cầu, khu vực bãi thải, khu vực khai thác vật liệu xây dựng; theo dõi liên tục, kiểm tra phát hiện sự cố, các hiện tượng xói mòn, sạt lở tại khu vực Dự án quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án; trong quá trình thi công nếu để xảy ra sạt lở gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng phải dừng ngay hoạt động thi công và phối hợp với các cơ quan có liên quan và cơ quan địa phương khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông đường bộ, phòng chống lụt bão, phòng cháy chữa cháy và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện và vận hành Dự án; lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ cũng như các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành (nếu có) Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi đổ đất đá loại, các mỏ khai thác vật liệu mới và thanh thải lòng sông, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành./.